

Bản án số: 71/2017/HSST

Ngày: 09/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU-TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Huỳnh Thanh Trà

+ Ông Huỳnh Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng - 388 Núi Thành, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thô lý sè 68/2017/HSST ngày 10/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh N; Sinh ngày 15/3/1997 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay : K448/75 T, tổ 86, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp : Không; Trình độ văn hóa : 6/12. Con ông Phạm Minh T (còn sống) và bà Nguyễn Thị Kim A (còn sống). Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai.

- Tiền án: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích.

- Tiền sự :

Ngày 28/11/2012 bị Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Ngày 03/9/2015 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 30/8/2016).

Ngày 01/12/2016 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa chấp hành).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/4/2017, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Lâm Quang T; Sinh ngày: 31/3/1992 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 15 M, tổ 88, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Lâm Quang H (còn

sống) và bà Nguyễn Thị N (còn sống). Vợ : Trần Thị Thu H (sinh năm 1992), con: Lâm Quang Nhật V (sinh năm 2013). Gia đình có ba anh em, bị cáo là con út.

- Tiền sự:

+ Tháng 8/2015 bị Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Tháng 10/2015 bị Phòng PC47 Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính đưa về cơ sở giáo dục tại xã, phường theo ND 111 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Tháng 6/2016 bị Phòng PC47 Công an thành phố Đà Nẵng xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 29/8/2016 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Chưa chấp hành).

Nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng, 24 ngày tù về tội Bắt, giữ người trái pháp luật - được trả tự do tại phiên tòa.

Bị cáo bị tạm giam ngày 12/4/2017, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lâm Quang Tây: Ông **Nguyễn Hữu Quyết T** - Luật sư văn phòng luật sư Tuấn Anh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17^h30' ngày 17/3/2017, Tổ công tác Công an phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát hiện Lâm Quang T điều khiển xe mô tô BKS 43C1-650.41 và Phạm Minh N điều khiển xe mô tô BKS 43D1-294.94 chạy trên đường Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Đà Nẵng, tổ công tác truy đuổi đến đường Hồ Xuân Hương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thì chặn giữ và mời T, N về trụ sở Công an phường Hòa Cường Bắc làm việc. Qua kiểm tra hành chính phát hiện và thu giữ của:

Phạm Minh N : + Trong túi quần phía trước bên phải N đang mặc có 03 gói nilon kích thước 02x05cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng (*ký hiệu A*); 01 gói nilon kích thước 03x07cm chứa 02 viên nén và ½ viên nén màu đà có in chữ K (*ký hiệu B*).

+ 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen có số IMEI: 35366405983939; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone màu đen có số IMEI: 013346008324589 kèm theo số thuê bao 0905.728.878; 01 xe mô tô nhãn hiệu Liberty BKS 43D1-294.94 và số tiền 33.000.000 đồng.

Lâm Quang T: + Trong cặp của yếm xe mô tô BKS 43C1-650.41 Tây sử dụng có 01 gói nilon kích thước 02x05cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu **C**).

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Vespa BKS 43C1-650.41 và số tiền 4.000.000 đồng. (BL:07-13)

Tại Kết luận giám định số 206/GĐ-MT, ngày 27/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Tinh thể rắn trong mẫu ký hiệu **A, C** gửi giám định có chất ma túy loại Methamphetamine trọng lượng **A: 7,234 gam, C: 2,052 gam**; các viên nén trong mẫu ký hiệu **B** gửi giám định có chất ma túy loại MDMA trọng lượng **0,715 gam**.(BL: 18-19)

Tại Kết luận giám định số 501/GĐ-MT, ngày 04/8/2017 của Học viện khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất rắn màu trắng dạng tinh thể trong túi ni lông ký hiệu **A, C** gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine. Hoàn trả **5,891 gam** mẫu ký hiệu **A** ; **1,350 gam** mẫu ký hiệu **C** còn lại sau giám định.

Phạm Minh N khai nhận: Nguồn gốc số ma túy thu giữ của N là do N mua của đối tượng tên B (*chưa xác định họ tên, địa chỉ*) ở đường Đ, thành phố Đà Nẵng với giá 3.000.000 đồng và được B cho thêm số thuốc lắc để sử dụng. N chỉ mua ma túy của B một lần duy nhất thì bị phát hiện, thu giữ như đã nêu trên.(BL:112-122).

Quá trình điều tra, Lâm Quang T khai nhận: Nguồn gốc số ma túy thu giữ của T là do Tây mua của đối tượng tên B (*chưa xác định họ tên, địa chỉ*) ở khu vực bờ hồ đường Hàm Nghi, thành phố Đà Nẵng với giá 2.000.000 đồng để sử dụng. T bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2013, T đã mua ma túy của B tổng cộng 03 lần, mỗi lần 2.000.000, lần mua gần nhất vào trưa ngày 16.3.2017 và bị phát hiện, thu giữ như đã nêu trên. (BL: 73-83)

Quá trình điều tra Phạm Minh N và Lâm Quang T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 09/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Phạm Minh N và Lâm Quang T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Minh N mức án từ 42 (bốn mươi hai) tháng tù đến 48 (bốn mươi tám) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xử phạt bị cáo Lâm Quang T mức án từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù đến 30 (ba mươi) tháng tù.

* Về xử lý vật chứng : Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý :

- Tuyên tịch thu và tiêu hủy 5,891 gam ma túy mẫu A và 1,350 gam ma túy mẫu ký hiệu C hoàn trả theo kết luận giám định số 501/C54C(Đ4) ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Phân viện Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

- Tuyên tịch thu và sung công quỹ nhà nước 01(một) ĐTDĐ hiệu Iphone màu đen có số IMEI: 1233460083244589 kèm theo sim mang số thuê bao 0905728878 và 01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen có số IMEI: 35366405983939.

- Tuyên trả lại cho bị cáo T số tiền 4.000.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay Luật sư Nguyễn Hữu Quyết T bào chữa cho bị cáo Lâm Quang T phát biểu luận cứ bào chữa và đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s,x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Lâm Quang T mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

- Bị cáo N trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, rất hối hận. Bị cáo xin lỗi gia đình và xin HĐXX cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng.

- Bị cáo T trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, rất hối hận. Bị cáo xin lỗi gia đình và xin HĐXX cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình, nuôi dạy con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lâm Quang T và Phạm Minh N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 18h' ngày 17/3/2017, Công an phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện Lâm Quang T đang tàng trữ 2,052 gam ma túy, loại Methamphetamine; Phạm Minh N đang tàng trữ 7,234 gam ma túy, loại Methamphetamine; 0,715 gam ma túy loại MDMA (thuốc lắc) để sử dụng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy :

Bị cáo Phạm Minh N đã từng bị xét xử về tội Cố ý gây thương tích, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lâm Quang T đã từng bị xét xử về tội bắt, giữ người trái pháp luật và đã nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo là đối tượng đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bỏ trốn, không chấp hành quyết định. Các bị cáo nhận thức rõ tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có ma túy để sử dụng nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, xâm phạm sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính chất liều lĩnh và coi thường pháp luật. Do đó HĐXX thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong vụ án này hành vi phạm tội của các bị cáo độc lập với nhau, bị cáo N tàng trữ 7,234 gam ma túy, loại Methamphetamine; 0,715 gam ma túy loại MDMA (thuốc lắc), bị cáo N phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm; bị cáo T tàng trữ 2,052 gam ma túy, loại Methamphetamine, do đó hình phạt của bị cáo N chịu phải cao hơn bị cáo T. HĐXX thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T có cha ruột có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba. Do đó bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo trong khi quyết định hình phạt cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện.

- Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lâm Quang T, HĐXX thấy, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Lâm Quang T phạm vào tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy ”, quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có cơ sở. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Lâm Quang T, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy không chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa áp dụng thêm khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

*** Về xử lý vật chứng:**

- 5,891 gam ma túy mẫu A và 1,350 gam ma túy mẫu C hoàn trả theo kết luận giám định số 501/C54C(Đ4) ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Phân viện Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng. HĐXX thấy đây là vật cấm lưu hành nên cần áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01(một) ĐTDĐ hiệu Iphone màu đen có số IMEI: 1233460083244589 kèm theo sim mang số thuê bao 0905728878 bị cáo N sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen có số IMEI: 35366405983939 là tài sản của bị cáo N, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp với Điều 41 của Bộ luật hình sự.

- Đối với số tiền 4.000.000 đồng của bị cáo T, HĐXX thấy không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với Điều 41 của Bộ luật hình sự.

Đối với đối tượng tên B, B bán ma túy cho Lâm Quang T và Phạm Minh N (*chưa xác định được họ tên, địa chỉ*) và các đối tượng liên quan khác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau, HĐXX thấy thỏa đáng.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Vespa BKS 43C1-650.41 Lâm Quang T sử dụng, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị N – mẹ của Tây (Sinh năm 1956, HKTT : Tổ 88, phường H, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng); Đối với xe mô tô nhãn hiệu Liberty BKS 43D1-294.94 Phạm Minh N sử dụng, chủ sở hữu là ông Phạm Minh T – cha của N (Sinh năm 1964, HKTT : Tổ 86, phường H, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng). Bà N, ông T không biết việc Tây và Nghĩa sử dụng 02 xe mô tô trên để tàng trữ trái phép chất ma túy, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã trả lại xe cho bà N và ông T, HĐXX thấy có căn cứ.

Đối với số tiền 33.000.000 đồng thu giữ của Phạm Minh N, đây là số tiền của gia đình giao cho N chuẩn bị lo cưới vợ, không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của N, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã trả lại cho ông Phạm Minh T, HĐXX thấy có căn cứ.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh N và Lâm Quang T phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48 và điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh N 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 07 tháng 4 năm 2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lâm Quang T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 12 tháng 4 năm 2017.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 5,891 gam ma túy mẫu A và 1,350 gam ma túy mẫu C hoàn trả theo kết luận giám định số 501/C54C(Đ4) ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Phân viện Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

- Tuyên tịch thu và sung công quỹ nhà nước của bị cáo Phạm Minh N 01(một) ĐTDĐ hiệu Iphone màu đen có số IMEI: 1233460083244589 kèm theo sim mang số thuê bao 0905728878.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Minh N 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen có số IMEI: 35366405983939.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Lâm Quang T số tiền 4.000.000 đồng.

Các vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 6 năm 2017 và ngày 10 tháng 8 năm 2017.

4. Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Phạm Minh N, Lâm Quang T mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Hải Châu;
- Công an Q. Hải Châu;
- TAND TPĐN;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Sở tư pháp TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Phạm Thị Hồng Loan

